TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 08 - 01 - 2021
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Thiệm**
Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên toà: Ông **Phạm Mạnh Linh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:132/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1984.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T1, huyện T, tỉnh P

Bị đơn: Anh **Vũ Tiến V**, sinh năm 1983.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và được bổ sung bằng bản tự khai ngày 12/10/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Tiến V ngày 17/4/2015, việc kết hôn là tự nguyện, đăng ký tại UBND thị trấn T1, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại xã Đ, huyện T, cuộc sống lúc đầu hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hợp nhau trong công việc và cuộc sống, chị đã cố gắng hòa hợp để chăm sóc con cái. Tuy nhiên do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh V đánh, chửi, xúc phạm chị trước mặt con cái làm ảnh hưởng đến tâm lý giáo dục con trẻ. Từ ngày 01/2/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân chấm dứt không quan tâm đến nhau. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Nguyễn Gia P, sinh ngày 17/10/2015, ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết anh Vũ Tiến V vắng mặt, Toà án đã thông báo, triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh V vẫn vắng mặt không lý do.***

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án đối với anh V, tuy nhiên anh V đi làm vắng, không có người thân nhận thay các văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh V theo quy định pháp luật.

Qua làm việc tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P xác định: Hiện tại anh V có hộ khẩu và sinh sống tại Khu 7, xã Đ, vợ chồng chị T anh V quá trình chung sống đã có những mâu thuẫn. Vợ chồng chị T anh V có một con chung, UBND xã Đ đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa (có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

**Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Vũ Tiến V.*

**Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vũ Nguyễn Gia P, sinh ngày 17/10/2015 cho đến khi cháu P thành niên. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.*

** Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.*

** Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị T do điều kiện bận công việc không đến tham gia phiên tòa được nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh V về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tuy nhiên anh V đều vắng mặt không có lý do, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn với nhau vào năm 2015, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND thị trấn T1, huyện T, tỉnh P, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh V đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không hợp nhau trong công việc và cuộc sống. Từ tháng 2/2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị được ly hôn anh V để giải phóng bản thân.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh V về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh đều vắng mặt không có lý do. Làm việc cùng UBND xã Đ, huyện T xác định chị T và anh V sống ly thân, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn để đảm bảo quyền và lợi ích cho các đương sự.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không hợp tác hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị được ly hôn anh V là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Xét về con chung: Chị T anh V có một con chung là cháu Vũ Nguyễn Gia P, sinh ngày 17/10/2015 Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Cháu P còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, anh V không có mặt tại Tòa án để thể hiện quan điểm về con chung. Do vậy HĐXX thấy cần giao cháu Phúc cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

[3] Về tài sản và công nợ chung, công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu giải quyết vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Vỹ kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo Bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Tiến V.

2.Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Nguyễn Gia P, sinh ngày 17/10/2015 kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu thành niên. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Vỹ thỏa thuận thi hành án, Vỹ yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0000622 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh P.

5. Vỹ kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT T1, UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú